

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 3237/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ thường trú: xóm 4, xã H, huyện H1, tỉnh H2

Địa chỉ cư trú: Tổ 26, Khu phố 2A, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2. Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1991;

Địa chỉ thường trú và cư trú: xóm 4, xã H, huyện H1, tỉnh H2

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 20 tháng 11 năm 2022, ông T và bà M cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông T và bà M thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 28/11/2022. Ông T cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bà M cư trú tại huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào Điều 29, 35 và điểm h, Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn yêu cầu của. Do đó, đơn yêu cầu của ông T, bà M được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị M chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh N cấp giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/2011, quyển số 01/TV218 ngày 30/12/2011. Ông T và bà M xác định không có con chung. Ông T, bà M tự thỏa thuận về tài sản chung và xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống ông T, bà M thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T, bà M xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông T, bà M thực sự tự nguyện ly hôn. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông T, bà M.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị M thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông T, bà M xác định không có nên Tòa án không xem xét.
- Về tài sản chung: Ông T và bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét
- Về nợ chung: Ông T và bà M xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông T, bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005160 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông T, bà M đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Q, huyện Q1, tỉnh N;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ